TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 186/2026/QĐST-HNGĐ	*Khánh Hòa, ngày 08 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số E đường B, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Võ S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Hồng H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số F C, tổ dân phố C, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1956;

2. Bà Kiều Thị Bích N, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Số F đường C, tổ dân phố C, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Faussier Loic Michel M – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn N1, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh kiêm Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S1 – chi nhánh N2 – Phòng G – T.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Thùy T – Chuyên viên Khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP S1 – chi nhánh N2 - Phòng G – T.

Địa chỉ chi nhánh: Đường T, Lô T - 16 và Lô T -15, khu đô thị M (Khu k1), phường P, tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về tài sản chung:

- Ông Trần Quốc H và bà Huỳnh Hồng H1 thống nhất tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: Căn nhà trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 4b, diện tích 218,2m^2, đất ở tại nông thôn (nhà chưa được công nhận quyền sở hữu), địa chỉ thửa đất tại Thôn L, xã P, tỉnh Khánh Hòa do UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK335061, ngày 19/6/2012 cho ông Huỳnh Văn H2 và tiền sang nhượng quán B.

- Bà Huỳnh Hồng H1 đồng ý thanh toán cho ông Trần Quốc H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Ông Trần Quốc H không được quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn với bà Huỳnh Hồng H1.

- Ông Trần Quốc H và bà Huỳnh Hồng H1 không còn tài sản chung nào khác.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Quốc H đồng ý chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ.

4. Về án phí:

Ông Trần Quốc H đồng ý chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001398 ngày 18/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Khánh Hòa). Ông Trần Quốc H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Dung